

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH LƯU
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 09/9/2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU, TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nghệ

Các hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Thịnh và bà Đặng Thị Thu Trang.

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu tham gia phiên tòa:
Ông Hà Đức Thắng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 106/2021/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 5 năm 2021 về việc ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1995. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Xóm H, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1994. Vắng mặt.

Nơi ĐKKHKT: Xóm H, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Chỗ ở hiện nay: Xóm A, xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 4 năm 2021 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn anh Phạm Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị G đăng ký kết hôn ngày 25 tháng 02 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã C, trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng sau khi kết hôn chung sống tại xóm H, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị G có người đàn ông khác, không quan tâm gì đến chồng con. Tháng 4 năm 2018 chị G bỏ về nhà ngoại tại xóm A, xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến

nay không còn qua lại thăm hỏi nhau nữa. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh xin ly hôn chị Nguyễn Thị G.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Phạm Mai P, sinh ngày 13/11/2015, hiện nay đang ở với anh và Phạm D D, sinh ngày 13/3/2018, hiện nay đang ở với chị G. Ly hôn anh xin được nuôi con chung là Phạm Mai P và không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con. Nhường con chung là Phạm D D cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, tập hồ sơ khởi kiện, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ nhưng bị đơn chị Nguyễn Thị G đều vắng mặt, không có ý kiến bằng văn bản gửi Tòa án.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/06/2021 ông Nguyễn Văn D (bố của chị G) trình bày: Chị G đã được gia đình thông báo về việc anh T nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án. Quá trình giải quyết Tòa án đã tổng đạt các tài liệu, giấy báo đến tham gia phiên họp và hòa giải, ông trực tiếp nhận và có thông báo lại cho chị G biết, nhưng do dịch CoVid-19 chị G không về để giải quyết được. Qua điện thoại chị G có ý kiến: Về quan hệ hôn nhân: Chị nhất trí ly hôn theo yêu cầu của anh T; Về con chung: vợ chồng có hai con chung là Phạm Mai P, sinh ngày 13/11/2015 và Phạm D D, sinh ngày 13/03/2018. Nay cháu P ở với anh T, cháu D ở với chị G; Về tài sản: không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị G xin được xét xử vắng mặt và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã C: Anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị G có hộ khẩu thường trú tại xóm H, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Anh T và chị G đăng ký kết hôn vào ngày 28/02/2015 tại UBND xã C, hôn nhân đủ điều kiện theo quy định của pháp luật. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng UBND xã không biết vì không qua hòa giải tại địa phương. Vợ chồng có hai con chung là Phạm Mai P, sinh ngày 13/11/2015 và Phạm D D, sinh ngày 13/03/2021. Hiện nay con là Phạm Mai P đang ở với anh T, Phạm D D đang ở với chị G. Nay anh T làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về tình cảm, con chung với chị G đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu phát biểu như sau:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý, thu thập chứng cứ, tổng đạt văn bản và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã tuân theo pháp luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp

luật. Bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án tại phiên tòa lần thứ nhất và phiên tòa lần thứ hai theo điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016; Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Phạm Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị G.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Phạm Mai P, sinh ngày 13/11/2015 và Phạm D D, sinh ngày 13/03/2018. Anh T có nguyện vọng được nuôi con chung là Phạm Mai P, hiện nay Mai P đang ở với anh T. Phạm D D đang ở với chị G, mặt khác con chung D D đang còn nhỏ cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ. Nên tiếp tục giao con chung là Phạm Mai P cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung là Phạm D D cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh T, chị G vì không ai yêu cầu.

Về tài sản: không yêu cầu tòa án giải quyết nên miễn xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Nguyễn Thị G có hộ khẩu thường trú tại xóm H, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, Quyết định đưa vụ án ra xét xử lần thứ nhất, Quyết định hoãn phiên tòa, Quyết định đưa vụ án ra xét xử lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không có lý do. Anh Tiến có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị G là hợp pháp, tuân thủ các điều kiện kết hôn theo luật định. Quá trình chung sống do tính cách vợ chồng không hợp nhau, không cùng quan điểm sống. Tình cảm ngày càng phai nhạt, việc đoàn tụ để xây dựng hạnh phúc gia đình là không thể. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 4 năm 2018 đến nay, không còn qua lại thăm hỏi nhau nữa. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị G đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần áp dụng điều 51, Điều 56 luật hôn nhân gia đình xử cho anh T được ly hôn chị G.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Phạm Mai P, sinh ngày 13/11/2015 đang ở với anh T và Phạm D D, sinh ngày 13/03/2018 đang ở với chị G. Xét thấy nuôi con là nguyện vọng chính đáng của mỗi người. Để đảm bảo ổn định về nhu cầu vật chất, tinh thần và quyền lợi của con chung, cần tiếp tục giao con chung là Phạm Mai P cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung là Phạm D D cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh T, chị G vì không ai yêu cầu.

[2.3] Về tài sản: Không ai yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[3] Về án phí: Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị G.

2. Về con chung: Giao con chung là Phạm Mai P, sinh ngày 13/11/2015 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Giao con chung là Phạm D D, sinh ngày 13/03/2018 cho chị G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị G vì không ai yêu cầu.

Anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Không ai yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

4. Về án phí: Anh Phạm Văn T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng anh T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002444, ngày 14 tháng 5 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản sao bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Quỳnh Lưu;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Lưu;
- UBND xã C (nơi ĐKKH);
- Đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nghệ